

Số: 05/ĐA-NTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2022

**ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**  
**LUẬT KINH TẾ - TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ – MÃ SỐ: 8380107**

- Tên ngành đào tạo: Luật Kinh tế
- Mã số: 8380107
- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

**I. Giới thiệu khái quát:**

**1. Giới thiệu sơ lược về Trường Đại học Nguyễn Tất Thành:**

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (tên viết tắt là NTTU) được thành lập theo Quyết định số 621/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Nguyễn Tất Thành. Trường nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), và các cơ quan quản lý giáo dục theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ và chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ máy quản lý Nhà trường được tổ chức chặt chẽ với các đơn vị phòng ban, trung tâm, khoa bao gồm: Ban giám hiệu, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Tổ chức nhân sự, Phòng Kế toán, Phòng kế hoạch tài chính, Phòng Khoa học công nghệ, Phòng Quản trị thiết bị, Viện nghiên cứu và đào tạo sau đại học, Trung tâm Tư vấn tuyển sinh, Phòng Công tác sinh viên và Truyền thông, Phòng Đảm bảo chất lượng, Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội, Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, Trung tâm thông tin thư viện, Trung tâm nghiên cứu và đào tạo Việt Hàn, và 19 Khoa chuyên ngành đào tạo và quản lý, sinh viên, học viên.

Từ khi thành lập đến nay, Trường không ngừng phát triển về quy mô và loại hình đào tạo nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đào tạo. Tính đến nay Trường đã có hơn

23.000 học viên - sinh viên với 49 ngành đào tạo trình độ Đại học chính quy, 19 ngành đào tạo trình độ liên thông Cao đẳng lên Đại học, 04 ngành đào tạo Thạc sĩ (Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng, Du lịch).

Hiện tại Trường được BGD&ĐT cho phép đào tạo những ngành và chuyên ngành trình độ đại học như sau:

- Khoa Y: Y khoa, Y học dự phòng, Vật lý Y khoa, Kỹ thuật Y sinh
- Khoa Dược: Dược học
- Khoa Điều dưỡng: Điều dưỡng
- Khoa Kỹ thuật xét nghiệm Y học: Kỹ thuật xét nghiệm
- Khoa Quản trị Kinh doanh: Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Logistic và quản lý chuỗi cung ứng, Thương mại điện tử
- Khoa Luật: Luật kinh tế; Truyền thông đa phương tiện
- Khoa Tài chính Kế toán: Tài chính-Ngân hàng, Kế toán
- Khoa Kỹ thuật - Công nghệ: Công nghệ kỹ thuật Ô tô, Công nghệ kỹ thuật Điện Điện tử, Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử, Kỹ thuật Hệ thống công nghiệp
- Khoa Kỹ thuật Thực phẩm và Môi trường: Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Quản lý Tài nguyên và Môi trường
- Khoa Công nghệ Sinh học: Công nghệ sinh học
- Khoa Công nghệ Thông tin: Công nghệ thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu
- Khoa Âm nhạc - Điện ảnh: Đạo diễn điện ảnh-truyền hình, Quay phim, Diễn viên kịch, điện ảnh-truyền hình, Piano, Thanh nhạc
- Khoa Kiến trúc-Nội thất-Mỹ thuật ứng dụng: Kiến trúc, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất
- Khoa Kỹ thuật Xây dựng: Kỹ thuật xây dựng
- Khoa Ngoại ngữ: Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Đông phương học, Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam
- Khoa Du lịch và Việt Nam học: Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Việt Nam học, Du lịch, Tâm lý học, Quan hệ công chúng, Quan hệ quốc tế
- Khoa Giáo dục Mầm non: Giáo dục mầm non



Quy mô hiện tại đào tạo các khối ngành và chuyên ngành trên hiện nay hơn 23.000 SV.

### *Về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất*

Trường đã quy tụ được một đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu cũng như hợp đồng giảng dạy dài hạn có học vị cao, có kinh nghiệm thực tế. Đội ngũ giảng viên (GV) của Trường hiện nay gồm 924 GV từ trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 53,5% so với tổng số GV toàn Trường.

Cơ sở vật chất hiện đại, trang bị đầy đủ thiết bị dạy học dùng cho việc giảng dạy với 143 phòng thí nghiệm thực hành/Lab các loại, 01 xưởng thực tập, 297 phòng học lý thuyết, 41 Phòng máy tính, phòng học đa phương tiện, 6 Hội trường, 01 Viện VK-TECH, 03 thư viện, hơn 3.400 bàn phục vụ giảng dạy và học tập của giảng viên và học viên, sinh viên. Hiện nay Trường đã đưa vào sử dụng 22656 m<sup>2</sup> sàn phòng học lý thuyết, 20724 m<sup>2</sup> phòng thực hành – thí nghiệm/Lab, 1007m<sup>2</sup> Phòng máy tính phòng học đa phương tiện, 5938 m<sup>3</sup> hội trường, 4814 m<sup>2</sup> thư viện, trung tâm học liệu, phòng làm việc tại Cơ sở 1, 2, 4, 5, 6, 7 tại Quận 4, 7 và Quận 12. Đặc biệt Trường đã xây dựng hệ thống phòng thực hành nhà hàng, khách sạn đạt chuẩn 5 sao.

Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, đèn chiếu, máy lạnh bảo đảm đáp ứng tốt yêu cầu học tập của học viên. Đặc biệt, nhiều phòng học được bố trí theo phương thức học nhóm, phục vụ thảo luận, seminar của học viên. Phòng làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng hiện đại để thực nghiệp vụ chức năng trong quản lý đào tạo.

Diện tích thư viện: 4600m<sup>2</sup>, Số chỗ ngồi: 2500; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 169, tài liệu 15.549 nhan đề/ 71.170 bản sách in và tài liệu điện tử, trên 80 tên báo và tạp chí chuyên ngành và 17 cơ sở dữ liệu điện tử trong nước và quốc tế; giáo trình 1953 nhan đề/ 16004 bản; sách tham khảo 13656 nhan đề/ 55361 bản; Băng, đĩa, CD-Rom, tranh ảnh, bản đồ 417 nhan đề/ 825 bản; Tạp chí, luận văn, luận án, báo cáo khoa học, báo cáo thực tập: 74 tên tạp chí chuyên ngành; Luận án, Luận văn: 1700 nhan đề/ 1784 bản; Báo cáo khoa học: 1162 nhan đề/ 2367 bản.

Các khu đào tạo được đầu tư xây dựng khang trang, tạo không gian học tập hiện đại, năng động và thoải mái. Triển khai xây dựng 47 học liệu mở phù hợp với CTĐT từ xa và tập huấn chuyên môn cho GV nhằm đáp ứng nhu cầu học tập theo

hướng mở; 100% CTĐT điều chỉnh theo OBE. Đổi mới 100% các phương pháp giảng dạy theo hình thức làm việc nhóm, thuyết trình, case study, phương pháp dự án; phát triển tư duy sáng tạo và sử dụng nguồn tài nguyên thông tin thư viện; đánh giá kết quả đào tạo theo năng lực thực hiện của sinh viên.

## **2. Giới thiệu về Khoa Luật:**

### **2.1. Quá trình hình thành và phát triển:**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu, nhằm đáp ứng nhu cầu rất lớn về nguồn nhân lực ngành luật kinh tế có trình độ chuyên môn vững vàng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo ngành Luật Kinh tế theo Quyết định số 1817/QĐ-BGD-ĐT ngày 29 tháng 5 năm 2015.

Đến năm 2019, Khoa Luật được thành lập theo Quyết định số 174/QĐ-NTT của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, trên cơ sở Bộ môn Luật Kinh tế trước đó, Khoa Luật quy tụ được đội ngũ giảng viên cơ hữu là các Tiến sĩ, Thạc sĩ với chuyên môn, nghiệp vụ cao, được đào tạo tại các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước. Ngoài ra, Khoa Luật đã ký hợp đồng giảng dạy với hơn 70 giảng viên thỉnh giảng và giảng viên thực hành là những người hiện đang công tác tại các cơ quan, tổ chức hành nghề luật như: Văn phòng luật sư, Công ty Luật, Văn phòng công chứng, Văn phòng thừa phát lại... và đội ngũ chuyên gia tư vấn nghề nghiệp từ các cơ quan nhà nước trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận như: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án,...

#### ***Tầm nhìn***

Đến năm 2025, Khoa Luật Trường ĐH Nguyễn Tất Thành phấn đấu trở thành một đơn vị đào tạo có uy tín, đạt chuẩn quốc gia trong đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng pháp luật ở Việt Nam.

#### ***Sứ mạng***

Khoa Luật Trường ĐH Nguyễn Tất Thành là đơn vị cung ứng nguồn nhân lực ngành luật kinh tế có trình độ chuyên môn vững vàng, có kỹ năng nghề nghiệp, có đạo đức và văn hóa nghề nghiệp cao, nghiêm chỉnh thi hành pháp luật để làm việc tại các cơ quan nhà nước và tổ chức hành nghề luật.



### *Triết lý đào tạo*

Dựa trên triết lý giáo dục của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành là: “**Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp**”, Khoa thống nhất sử dụng triết lý giáo dục này và chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của Khoa như sau:

**Thực học:** Học viên ngành Luật Kinh tế được học tập trong môi trường học thuật gắn liền với thực tiễn thông qua hoạt động gắn kết đào tạo với giảng viên thực hành, với các cơ quan, tổ chức hành nghề luật.

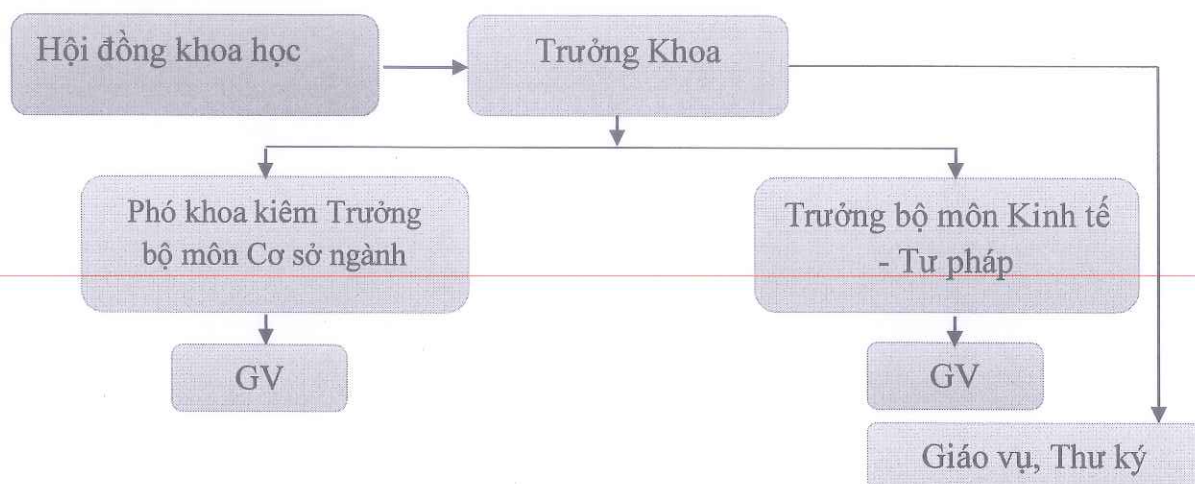
**Thực hành:** Học viên được tham gia kiến tập, thực tập tại các cơ quan, tổ chức hành nghề luật như: Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Văn phòng Luật sư, Văn phòng Công chứng, Văn phòng thừa phát lại... hoặc thực hành mô phỏng thực tế hành nghề thông qua việc tổ chức phiên tòa giả định, phiên họp giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại, hòa giải thương mại... tại Phòng thực hành nghề luật của Khoa dưới sự hướng dẫn của giảng viên cơ hữu và giảng viên thực hành để tập ứng dụng kiến thức pháp luật vào giải quyết các tình huống thực tế.

**Thực danh:** Học viên có hình dung cụ thể các chức danh nghề luật và có ý thức yêu nghề, sự tự tôn, dám dấn thân và có trách nhiệm cao đối với xã hội, luôn sẵn sàng xây dựng và bảo vệ uy tín của Khoa, Trường.

**Thực nghiệp:** Khoa tạo mọi điều kiện cho học viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình học tập tại trường và chuẩn bị hành trang đầy đủ để có thể hành nghề luật trong lĩnh vực hành nghề luật sau khi tốt nghiệp.

### **2.2. Tình hình nhân sự của Khoa:**

Hiện nay, Khoa Luật có tổng số 33 giảng viên cơ hữu, bao gồm: 01 Phó giáo sư, 12 Tiến sĩ và 20 Thạc sĩ. Ngoài ra, Khoa còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng, giảng viên doanh nhân là các chuyên gia đến từ mạng lưới liên kết doanh nghiệp cùng Khoa tham gia hướng dẫn, giảng dạy sinh viên, học viên. Các học phần có nội dung thực hành sẽ được các giảng viên doanh nhân trực tiếp giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn cho sinh viên, học viên.



Hình 1.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa Luật

- Ban chủ nhiệm Khoa gồm: 1 Trưởng khoa, 1 Phó trưởng khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo.

- Khoa có 2 bộ môn: Bộ môn Cơ sở ngành và Bộ môn Kinh tế - Tư pháp.

### 2.3. Cơ sở vật chất:

Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, đèn chiếu, máy lạnh nhằm đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu học tập của sinh viên, học viên. Một số phòng học được trang bị máy điều hòa không khí để phục vụ tốt nhất cho việc học tập của sinh viên, học viên. Đặc biệt, nhiều phòng học được bố trí theo phương pháp học theo nhóm, phục vụ thảo luận, seminar của sinh viên, học viên.

Phòng làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng hiện đại để thực hiện tốt nhất chức năng, nghiệp vụ công tác trong quản lý đào tạo.

### 2.4. Công tác tuyển sinh:

Khoa Luật tuyển sinh đào tạo ngành Luật Kinh tế ở bậc đại học. Bậc đại học bắt đầu tuyển sinh năm 2015 đến nay được 09 khóa. Tình hình tuyển sinh các ngành do Khoa đào tạo thường xuyên đạt chỉ tiêu do Trường đề ra. Tổng số sinh viên hiện tại của Khoa (tính đến năm 2021) là 1006 sinh viên.

### 2.5. Hiệu quả đào tạo:

Đến nay Khoa Luật đã đào tạo được 4 khóa tốt nghiệp với tổng số 272 sinh viên. Năm 2021, sinh viên tốt nghiệp đạt loại giỏi chiếm 9%, khá là 55,86% và trung bình là 35,14%. Đặc biệt sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm đạt tỷ lệ 87,42% (tính đến năm 2021).



Hầu hết sinh viên tốt nghiệp ngành Luật Kinh tế làm việc đúng chuyên môn ở nhiều cơ quan, tổ chức hành nghề luật như: tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại, ngân hàng, thuế, hải quan, xuất nhập khẩu, pháp chế doanh nghiệp. Đặc biệt, Khoa Luật đã liên kết đào tạo với nhiều cơ quan, tổ chức hành nghề luật nên học viên có cơ hội được thực tập và tuyển dụng ngay sau khi tốt nghiệp.

## **II. Sự cần thiết mở ngành đào tạo:**

### **1. Khảo sát phân tích và đánh giá nhu cầu nhân lực thực sĩ:**

Theo báo cáo của Trung tâm dự báo nguồn nhân lực, trong năm 2020, Việt Nam cần khoảng 6.000 Luật sư (hiện nay đã có khoảng 13.600 Luật sư), 2.300 thẩm phán, 2.000 Công chứng viên, 3.000 Chấp hành viên, 300 Thẩm tra viên thi hành án dân sự và Thừa phát lại... Ngoài ra, nhu cầu cán bộ pháp luật của hơn 800.000 doanh nghiệp, của các bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên thực tế hiện nay mỗi năm, Việt Nam chỉ mới đào tạo được khoảng 3.500 – 4.000 cử nhân luật tại hơn 60 cơ sở và chỉ có 1/3 trong số đó có trình độ Thạc sĩ trở lên. Điển hình như đội ngũ cán bộ thuộc Bộ Tư pháp chỉ có 04 giáo sư; 38 Phó giáo sư; trình độ trên đại học có 1.232 người; cử nhân là 8.584 người; Đối với các cơ quan tư pháp địa phương có 19.231 công chức có trình độ đại học chuyên ngành luật; 1.932 công chức có trình độ đại học chuyên ngành khác; 3.408 công chức có trình độ trung cấp luật<sup>1</sup>. Trên lĩnh vực luật sư theo số liệu thống kê thi từ thời điểm tháng 7/2011 đến hết tháng 5/2020, đội ngũ Luật sư cả nước đã tăng từ 6.250 Luật sư lên hơn 14.000 Luật sư (tăng trung bình khoảng 800 Luật sư/năm, chỉ đạt mục tiêu Chiến lược phát triển luật sư của Chính phủ đề ra trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015), trong đó chỉ có trên 700 Luật sư có trình độ trên đại học (chiếm trên 5% tổng số Luật sư của cả nước)<sup>2</sup>. Qua số liệu thống kê có thể thấy, số cán bộ tư pháp, luật sư có trình độ sau đại học hiện nay còn khá khiêm tốn do đó, nhu cầu đào tạo sau đại học đối với ngành Luật nói chung và Luật kinh tế nói riêng là rất lớn.

<sup>1</sup> Báo cáo số 01/BC-BTP ngày 01/01/2020 của Bộ Tư pháp.

<sup>2</sup> Xem bài “Kết quả triển khai Chiến lược phát triển nghề luật sư ở Việt Nam đến năm 2020” của Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phan Chí Hiếu đăng ngày 09/11/2020 tại Tạp chí Luật sư Việt nam <https://lsvn.vn/ket-qua-trien-khai-chien-luoc-phat-trien-nghe-luat-su-o-viet-nam-den-nam-2020.html>



Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Trung tâm dự báo nguồn nhân lực thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2025 nhu cầu nguồn nhân lực trong nhóm ngành Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng - Pháp luật - Hành chính là 66.825 chỗ làm/năm, chiếm 33% tỉ lệ nhu cầu trong 08 nhóm ngành có nhu cầu lao động cao, trong đó tỉ lệ nhu cầu về trình độ trên Đại học là 5.400 chỗ làm/năm. Qua đây có thể thấy nhu cầu nhân lực ngành luật nói chung và lĩnh vực luật kinh tế có trình độ sau đại học nói riêng tại thành phố Hồ Chí Minh cũng rất lớn.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế và căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, năng lực đào tạo cũng như kinh nghiệm đào tạo của đội ngũ cán bộ giảng viên cơ hữu và cán bộ thỉnh giảng. Khoa Luật Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đăng ký mở chuyên ngành đào tạo trình độ để tạo nguồn nhân lực có trình độ cao góp phần vào sự nghiệp đổi mới, phát triển của đất nước trong giai đoạn sắp tới.

## **2. Nhu cầu đào tạo của ngành Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ:**

Hiện nay, nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành Luật kinh tế có trình độ Thạc sĩ là rất lớn. Học viên sau khi tốt nghiệp ngành Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ có thể tham gia giảng dạy tại các trường đại học hoặc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu lên trình độ Tiến sĩ. Bên cạnh đó, việc tham gia học ở trình độ Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ sẽ giúp tăng cường kiến thức pháp luật cần thiết cho hoạt động của nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật, đồng thời tạo cơ hội cho học viên được rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu. Việc đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ sẽ góp phần tạo ra các chuyên gia nghiên cứu cao cấp trong lĩnh vực luật kinh tế cũng như đóng góp vào quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành. Đặc biệt, các kiến thức chuyên sâu trong chương trình đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ sẽ giúp học viên nâng cao hiệu quả tư vấn pháp luật cho khách hàng trong lĩnh vực luật kinh tế. Vì vậy, việc mở ngành đào tạo Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ là phù hợp với nhu cầu đào tạo hiện nay ở Việt Nam nói chung và TPHCM nói riêng.

## **3. Nhu cầu phát triển của Trường:**

Về quy mô, sự mở rộng đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, của các trường đại học khác cũng như tốc độ phát triển nhanh chóng của đất nước đã tạo nên nhu cầu ngày càng lớn và đa dạng đối với đào tạo sau đại học của Trường. Hiện nay, tại Thành phố Hồ Chí Minh, các trường Đại học thuộc khối ngoài công lập



nhu Trường Đại học Văn Lang, Hutech,... đã tổ chức đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ. Tuy nhiên, do quy mô tuyển sinh hạn chế nên số lượng học viên mỗi khóa chỉ khoảng 30 - 40 học viên mỗi năm. Trong khi đó, nhu cầu về đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ hiện nay là rất lớn. Với mục tiêu phát triển theo định hướng ứng dụng và ngày càng khẳng định vị thế, uy tín trong khối các trường Đại học ngoài công lập, việc mở ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ là rất cần thiết và phù hợp với định hướng của nhà trường.

#### **4. Căn cứ ngành đào tạo đáp ứng được nhu cầu của người học:**

Thị trường lao động Việt Nam hiện nay có nhu cầu lớn về nguồn nhân lực có chất lượng cao - có năng lực tổ chức quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc tham gia giảng dạy hệ đại học và sau đại học. Vì vậy phần lớn các học viên tốt nghiệp đại học đều mong muốn được tiếp tục theo học ở bậc Thạc sĩ.

Để đánh giá nhu cầu đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ, Khoa Luật Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã tiến hành khảo sát giảng viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp về mong muốn tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ và các năng lực nghề nghiệp cần đạt được. Kết quả khảo sát cho thấy có trên 80% cựu sinh viên, doanh nghiệp, giảng viên đồng ý về tính cấp thiết của nhu cầu đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành hiện nay.

Với phương châm giáo dục “Thực học, Thực hành, Thực danh, Thực nghiệp”, Các CTĐT của NTTU được thiết kế và thực hiện có tính gắn kết vô cùng chặt chẽ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các ngành đào tạo được mở mới trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu tương lai của thị trường việc làm và nhu cầu của người học, lấy người học làm trung tâm và xây dựng một hệ sinh thái ưu tiên giúp học viên “học tốt” sau đó mới đến giúp giảng viên “dạy tốt”. Trên quan điểm giáo dục đó, CTĐT Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ được thiết kế và xây dựng theo nguyên tắc sau:

- Phân tích năng lực nghề nghiệp của người làm nghề gồm năng lực chung và năng lực chuyên môn;

- So sánh đối chiếu đảm bảo tuân thủ Luật giáo dục đại học, Khung trình độ quốc gia và Thông tư quy định về khối lượng kiến thức của trình độ thạc sĩ (bậc 7);

- Tổ chức Hội thảo DACUM để lấy ý kiến các bên liên quan về: các năng lực, công việc cần thực hiện theo từng năng lực; các kỹ năng cần có và các yêu cầu đặc biệt và tiên tiến khác của thời đại. Phân tích và tổng hợp ý kiến và xây dựng các Năng lực của học viên tốt nghiệp;

- Xây dựng Mục tiêu, Chuẩn Đầu ra của Chương trình đào tạo;

- Lập ma trận tương quan giữa các yêu cầu năng lực học viên tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình;

- Thiết kế cấu trúc Chương trình đào tạo, xác định các môn học cần đưa vào chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra. Đối chiếu, so sánh với các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế;

- Xây dựng Đề cương chi tiết các học phần dựa trên Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp kiểm tra đánh giá, nội dung giảng dạy và lộ trình học tập để học viên đạt được các kết quả học tập mong đợi.

Học viên tốt nghiệp xong CTĐT Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ có đủ khả năng làm việc ở các vị trí trong xã hội sau đây:

**Nhóm 1: Làm việc tại các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, như:**

- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ; các Bộ, Ngành ở trung ương; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;
- Cơ quan Công an, Thuế vụ, Cảnh vụ, Kiểm lâm, Hải quan, Biên phòng; cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh;
- Cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và thi hành án các cấp.

**Nhóm 2: Làm việc tại các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý, như:**

- Văn phòng Luật sư, công ty luật;
- Văn phòng Công chứng, tổ chức Thừa phát lại;
- Các trung tâm trọng tài thương mại của Việt Nam và nước ngoài.

**Nhóm 3: Làm việc tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, như:**

- Cán bộ thuộc bộ phận pháp chế của doanh nghiệp;



- Cán bộ tư vấn pháp lý cho lãnh đạo doanh nghiệp về các lĩnh vực: Đầu tư, kinh doanh, thương mại; thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh; thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh;
- Cán bộ thuộc bộ phận quản lý nhân sự;
- Cán bộ thuộc bộ phận hành chính, văn phòng.

**Nhóm 4: Làm việc tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, như:**

- Giáo viên giảng dạy môn giáo dục công dân, giáo dục pháp luật tại các trường phổ thông, các trường trung cấp nghề;
- Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc kiến thức luật học của các trường Đại học, Cao đẳng chuyên và không chuyên luật;
- Cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu về khoa học pháp lý trong và ngoài nước.

**Nhóm 5: Làm việc tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, như:**

- Cơ quan của Đảng ở trung ương và địa phương: Làm công tác kiểm tra giám sát, công tác tổ chức nhân sự, công tác hành chính văn phòng;
- Các tổ chức chính trị xã hội: Làm công tác tổ chức nhân sự, công tác thanh tra pháp chế, công tác hành chính văn phòng, công tác tư vấn pháp lý.

Vì vậy, việc mở ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ là một yêu cầu rất chính đáng và hết sức cần thiết, đáp ứng được nguyện vọng, nhu cầu của người học trong giai đoạn hiện nay.

Từ những trình bày trên, Khoa Luật kính đề nghị Hội đồng Trường, Hiệu trưởng Nhà trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Nguyễn Tất Thành xem xét việc phê duyệt mở ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ với những lý do sau đây:

- Khoa Luật đủ điều kiện mở ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ theo Quy định của Bộ GD&ĐT.
- CTĐT được thiết kế xây dựng kỹ lưỡng, có tham chiếu các CTĐT tương đương của các trường đại học có uy tín cao trong nước và quốc tế. Đảm bảo tính tiên bộ và ưu việt so với các CTĐT hiện hữu;

- CTĐT được xây dựng phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội. Nội dung và phương pháp đào tạo được xây dựng trên cơ sở khảo sát ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực sản xuất và giáo dục. Đảm bảo độ tin cậy và tính khả thi;
- Đội ngũ nhân sự của Khoa Luật đủ năng lực thực hiện CTĐT Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ, cơ sở vật chất của nhà trường đủ điều kiện phù hợp với yêu cầu của chương trình ngay sau khi được phê duyệt mở ngành, tuyển sinh và đào tạo kể từ năm 2022. Đảm bảo tính sẵn sàng;
- Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu của người học hiện nay là rất cao và có xu hướng tăng nhanh trong thời gian tới. Khảo sát cũng cho thấy người học tin nhiệm cao năng lực và chất lượng đào tạo của NTTU. Việc Trường Đại học Nguyễn Tất Thành mở ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ là đáp ứng nhu cầu cấp thiết của người học và doanh nghiệp. Đảm bảo tính thực tế và đúng đắn;
- Mở ngành đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ khi có đủ điều kiện và năng lực là trách nhiệm của Nhà trường và Khoa Luật trong việc đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Qua đó khẳng định vị thế và trách nhiệm phục vụ cộng đồng của Nhà trường và Khoa Luật. Đảm bảo tính cấp thiết và trách nhiệm với xã hội;
- Nhà trường cho phép Khoa Luật thực hiện đào tạo trình độ Thạc sĩ sẽ giúp Khoa đa dạng hóa hoạt động chuyên môn, tăng cường sự gắn kết giữa Khoa với các doanh nghiệp và các chuyên gia thông qua các hợp tác giảng dạy, thực tập, làm đồ án, dự án, đề án gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đảm bảo tính tự chủ;

Việc triển khai CTĐT Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ sẽ nâng cao vị thế và sức thu hút của Khoa, mở rộng phạm vi hoạt động của Khoa trong cộng đồng giáo dục, là động lực để phát triển nguồn nhân lực của Khoa về trung hạn và dài hạn, tích lũy năng lực và kinh nghiệm tiếp tục mở các ngành đào tạo mới trình độ đại học và sau đại học trong kế hoạch phát triển Nhà trường và Khoa. Đảm bảo tính kế hoạch và định hướng phát triển.

Nhận thức được Nghị quyết của Bộ chính trị, Chiến lược của Chính phủ, Chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Đồng thời với nguồn



nhân lực, cơ sở vật chất hiện có, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành xin phép trình Bộ Giáo dục và Đào tạo đề án đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên môn giỏi để thực hiện Nghị quyết, Chiến lược và Chủ trương nêu trên.

### **III. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành:**

#### **1. Cơ sở pháp lí của việc xây dựng Chương trình đào tạo mở ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ:**

- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 621/QĐ-TTg ngày 26/4/2011 thành lập trường ĐH Nguyễn Tất Thành.
- Căn cứ vào Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quyết định Ban hành quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Luật giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018);
- Thông tư 25/2017/ TT-BGDĐT ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;
- Nghị quyết của Hội đồng Trường số 08/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc thông qua chủ trương các vấn đề liên quan đến đào tạo;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/6/2021 Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

#### **2. Căn cứ vào tham khảo chương trình đào tạo:**

Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành được tham khảo các chương trình đào tạo uy tín trong và ngoài nước bao gồm: CTĐT ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Văn Lang, CTĐT ngành ngành Luật Kinh tế của Đại học Kinh tế TPHCM, CTĐT ngành Thạc sĩ Luật của Trường ĐH Jagannath University, Bangladesh, CTĐT ngành Luật Kinh tế quốc tế của Trường ĐH Oslo, Na Uy.

#### **3. Căn cứ vào các khả năng đảm bảo chất lượng đào tạo của trường:**

- Khoa Luật có đội ngũ cán bộ giảng dạy trình độ cao và nhiều kinh nghiệm. Số lượng GV của Khoa có trình độ sau đại học là 33 GV, trong đó có: 01 Phó Giáo sư, 12 Tiến sĩ và 20 Thạc sĩ. Đội ngũ GV có nhiều năm kinh nghiệm thực tế, hoàn toàn đáp ứng



được nhu cầu đào tạo cả sau đại học (chưa kể các GV có trình độ chuyên môn phù hợp của các khoa/viện khác).

- Trường có đủ điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ GV để đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ đạt chuẩn theo quy chế và quy định của Bộ GD&ĐT.

#### 4. Chương trình đào tạo:

- Tên ngành đào tạo

+ Tên tiếng Anh: Economic Law

+ Tên tiếng Việt: Luật Kinh tế

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bậc 7

Định hướng đào tạo:  Nghiên cứu  Ứng dụng

Khóa học áp dụng: 2022

Thời gian đào tạo: 18 tháng

Tên văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ Luật kinh tế

Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Luật

+ Địa chỉ văn phòng: Lầu 1, số 331 Quốc lộ 1A, P.An Phú Đông, Quận 12, Tp.HCM

+ Điện thoại liên lạc: 19002039 – Ext: 436

#### Mục tiêu chung (Program general goals)

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể:

PO1: Tổng hợp được kiến thức chuyên sâu về lý luận nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên ngành về pháp luật kinh doanh, thương mại, lao động và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh hiện nay.

PO2: Vận dụng được các kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn vào việc phân tích, tư vấn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh, thương mại và góp phần bảo vệ lợi ích nhà nước và xã hội.

PO3: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, thân thiện trong giao tiếp và ứng xử, có ý thức pháp luật và có khả năng học tiếp các CTĐT Luật Kinh tế ở bậc cao hơn để hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

### 5. Kết quả học tập mong đợi (KQHTMĐ) dự kiến của CTĐT:

Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế		
Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:		
<b>Kiến thức</b>		
PLO1	K1	Tổng hợp được các kiến thức chung về khoa học xã hội và pháp luật về lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật, quyền con người trong lĩnh vực kinh doanh một cách đầy đủ.
PLO2	K2	Phân tích được các kiến thức pháp lý chuyên sâu phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh về đầu tư, cạnh tranh, hợp đồng, giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; đất đai, bảo vệ môi trường.
PLO3	K3	Kết hợp được những kiến thức pháp luật vào thực tiễn hoạt động thương mại, lao động và an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.
<b>Kỹ năng</b>		
PLO4	S1	Thực hành được kỹ năng viện dẫn văn bản pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật để phục vụ cho nghề nghiệp và đời sống.
PLO5	S2	Phân tích được các tình huống pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh để tư vấn pháp lý cho các tổ chức, cá nhân.
PLO6	S3	Thực hiện được các kỹ năng soạn thảo hợp đồng; kỹ năng đàm phán, ký kết, xử lý các vấn đề tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện và thanh lý hợp đồng thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
PLO7	A1	Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, đấu tranh và tuyên truyền chống các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội nhằm bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng và lợi ích chính đáng của người khác.



PLO8	A2	Rèn luyện được khả năng tự học, tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực pháp luật.
------	----	--

### 6. Kế hoạch đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ gồm 60 tín chỉ đối với người tốt nghiệp ĐH ngành phù hợp được quy định trong Bảng 4.1, với cấu trúc gồm ba phần sau:

Kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức đại cương	6 tín chỉ	10 %
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	27 tín chỉ	45%
Nghiên cứu khoa học: Luận văn (15 tín chỉ) Các chuyên đề nghiên cứu khác (12 tín chỉ)	27 tín chỉ	45%

### 7. Khung chương trình đào tạo

MÃ SỐ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	Khối lượng (tín chỉ)			
		Tổng số	LT	TH, TN, TL	
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>6</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	
1	LKT501	Triết học	3	45	0
2	LKT517	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0
<b>PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH</b>		<b>27</b>	<b>405</b>	<b>0</b>	
<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>19</b>	<b>285</b>	<b>0</b>	
3	LKT503	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	2	30	0
4	LKT508	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	2	30	0
5	LKT504	Pháp luật về công ty	3	45	0
6	LKT509	Pháp luật về đầu tư	2	30	0

7	LKT512	Pháp luật tài chính, ngân hàng	2	30	0
8	LKT515	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh	2	30	0
9	LKT518	Pháp luật thương mại quốc tế	2	30	0
10	LKT519	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh	2	30	0
11	LKT516	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam	2	30	0
<b>Tự chọn</b>			<b>8</b>	<b>120</b>	<b>0</b>
12	LKT506	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	2	30	0
13	LKT507	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	2	30	0
14	LKT513	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2	30	0
15	LKT524	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	2	30	0
16	LKT520	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	30	0
17	LKT523	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30	0
18	LKT521	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại	2	30	0
19	LKT514	Pháp luật về an sinh xã hội	2	30	0
20	LKT522	Pháp luật so sánh đương đại	2	30	0
<b>Nghiên cứu khoa học</b>			<b>27</b>	<b>135</b>	<b>540</b>
21	LKT525	Luận văn thạc sĩ	15	0	450
<b>Các chuyên đề nghiên cứu khác</b>			<b>12</b>	<b>135</b>	<b>90</b>



22	LKT510	Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu	3	30	30
23	LKT505	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	3	30	30
24	LKT511	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại	3	30	30
25	LKT502	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật	3	45	0
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>60</b>	<b>630</b>	<b>540</b>

### 8. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

Thời gian đào tạo: 18 tháng.

Các học phần bổ sung kiến thức, bồi dưỡng kiến thức của chương trình Thạc sĩ được giảng dạy trong năm đầu của thời gian đào tạo.

Kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của CTĐT Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
<b>HỌC KỲ 1</b>			<b>16</b>	<b>225</b>	<b>30</b>	<b>480</b>		
<b>Bắt buộc</b>			<b>14</b>	<b>195</b>	<b>30</b>	<b>420</b>		
1	LKT501	Triết học	3	45	0	90	Elearning	Trắc nghiệm
2	LKT502	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật	3	45	0	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
3	LKT503	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm
5	LKT504	Pháp luật về công ty	3	45	0	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
6	LKT505	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	3	30	30	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tiểu luận, Thuyết trình
<b>Tự chọn</b>			<b>2</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>60</b>		
7	LKT506	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm
8	LKT507	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
<b>HỌC KỲ 2</b>			<b>14</b>	<b>180</b>	<b>60</b>	<b>420</b>		
<b>Bắt buộc</b>			<b>12</b>	<b>150</b>	<b>60</b>	<b>360</b>		
1	LKT508	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình



TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
2	LKT509	Pháp luật về đầu tư	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
3	LKT510	Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu	3	30	30	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tiểu luận, Thuyết trình
4	LKT511	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại	3	30	30	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tiểu luận, Thuyết trình
5	LKT512	Pháp luật tài chính, ngân hàng	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
<b>Tự chọn</b>			<b>2</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>60</b>		
6	LKT513	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Thảo luận nhóm
7	LKT514	Pháp luật về an sinh xã hội	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Thảo luận nhóm
<b>HỌC KỲ 3</b>			<b>15</b>	<b>225</b>	<b>0</b>	<b>450</b>		
<b>Bắt buộc</b>			<b>11</b>	<b>165</b>	<b>0</b>	<b>330</b>		
1	LKT515	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số tiết Phương pháp giảng dạy			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
								nhóm, Thuyết trình
2	LKT516	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
3	LKT517	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0	90	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm
4	LKT518	Pháp luật thương mại quốc tế	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Thuyết trình
5	LKT519	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
<b>Tự chọn</b>			<b>4</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>120</b>		
6	LKT520	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm
7	LKT521	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm



TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TÍN CHỈ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				LT	TH	Tự học		
8	LKT522	Pháp luật so sánh đương đại	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Tiểu luận, Bài tập nhóm
9	LKT523	Pháp luật về thương mại điện tử	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm, Thuyết trình
10	LKT524	Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	2	30	0	60	Trực tiếp kết hợp elearning	Tự luận, Bài tập nhóm
<b>HỌC KỲ 4</b>			<b>15</b>	<b>0</b>	<b>450</b>	<b>450</b>		
1	LKT525	Luận văn thạc sĩ	15	0	450	450	Tự học có hướng dẫn	Luận văn

**IV. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành:**

**1. Đội ngũ giảng viên đầu ngành tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ:**

*Bảng 4.1. Danh sách giảng viên đầu ngành tham gia đào tạo các học phần trong CTĐT Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ*

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Trần Đình Hảo, 1954, Giảng viên	PGS, 2002	TSKH, Đức, 1982	Ngành Luật	35	07 đề tài cấp Nhà nước, 06 đề tài NCKH cấp Bộ, 16 đề tài cấp cơ sở, 18 bài báo KH
2	Đặng Vũ Huân, 1961, Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Ngành Luật	3	7 đề tài NCKH cấp Bộ, 18 bài báo KH
3	Chu Hải Thanh, 1953, Trưởng khoa		Tiến sĩ, Nga, 1987	Ngành Luật	34	1 đề tài NCKH cấp trường, 4 bài báo KH
4	Nguyễn Trọng Tuấn, 1985, Phó khoa kiêm Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Ngành Luật, chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính	10	1 đề tài NCKH cấp trường, 12 bài báo KH



TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
5	Nguyễn Quốc Hân, 1971, Giảng viên		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Ngành Luật, chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự	3	4 bài báo KH

**2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ:**

*Bảng 4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ*

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Môn dạy/Giáo viên 1
1	Trần Đình Hào, 1954, Giảng viên	PGS.TS	Tiến sĩ Đức, 1982	Ngành Luật	LKT504. Pháp luật về công ty (3TC) LKT507. Pháp luật về quản trị doanh nghiệp (2TC)

	Đặng Vũ Huân, 1961, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2019	Ngành Luật	LKT516. Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam (2 TC)
2					LKT519. Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh (2TC)
	Chu Hải				LKT505. Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu (3TC)
3	Thanh, 1953, Trưởng Khoa		Tiến sĩ Nga, 1987	Ngành Luật	LKT511. Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại (3TC)
4	Nguyễn Trọng Tuấn, 1985, Phó Khoa kiêm Trưởng Bộ môn Cơ sở ngành		Tiến sĩ, VN, 2019	Ngành Luật, chuyên ngành Luật hiến pháp và Luật hành chính	LKT503. Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại (2TC)
5	Nguyễn Quốc Hân, 1971, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN,	Ngành Luật, chuyên ngành	LKT514. Pháp luật về an sinh xã hội (2TC)



			2020	Luật hình sự và tổ tụng hình sự	LKT521. Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại (2TC)
6	Nguyễn Thị Kim Vinh, 1956, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2003	Ngành Luật học	LKT523. Pháp luật về thương mại điện tử (2TC)
					LKT510. Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu (3TC)
7	Đinh Trọng Liên, 1961, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2018	Ngành Luật, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	LKT515. Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh (2TC)
					LKT512. Pháp luật tài chính, ngân hàng (2TC)

	Phạm Uyên			Ngành Luật, chuyên ngành	
8	Thy, 1972, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2020	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	LKT502. Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật (2TC)
9	Đoàn Tạ Cửu Long, 1971, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2016	Ngành Luật học	LKT506. Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay (2TC)
10	Nguyễn Thanh Long, 1959, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2019	Ngành Luật, chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự	LKT508. Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế (2 TC) LKT509. Pháp luật về đầu tư (3TC)



	Đào Xuân			Ngành Luật, chuyên ngành ngành	LKT520. Pháp luật về
11	Thành, 1976, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2020	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	chứng khoán và thị trường chứng khoán (2TC)
12	Nguyễn Thanh Phong, 1976, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2019	Ngành Luật, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	LKT522. Pháp luật so sánh đương đại (2TC)  LKT517. Tiếng Anh chuyên ngành (3TC)
13	Nguyễn Gia Viễn, 1967, Giảng viên	Tiến sĩ	Tiến sĩ, VN, 2020	Ngành Luật, chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự	LKT518. Pháp luật thương mại quốc tế (2TC)  LKT524. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (2TC)

	Tôn Việt	Tiến sĩ	Tiến sĩ,	Chủ nghĩa duy vật biện	
14	Thảo, 1983, Giảng viên	Triết học	VN, 2021	chúng và chủ nghĩa duy vật lịch sử	LKT501. Triết học (3TC)

### 3. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng:

Khoa không mời giảng viên thỉnh giảng.

### 4. Lộ trình phân công giảng viên:

STT	Họ tên Giảng viên	Môn dạy	Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
1	PGS.TS. Trần Đình Hảo	Pháp luật về công ty	LKT504 (HK1) - K1			
		Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	LKT507 (HK1) - K1			
2	TS. Đặng Vũ Huân	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam			LKT516 (HK3) - K1	
		Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh			LKT519 (HK3) - K1	
3	TS. Chu Hải Thanh	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu	LKT505 (HK1) - K1			



STT	Họ tên Giảng viên	Môn dạy	Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
		Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại		LKT511 (HK1) – K1		
4	TS. Nguyễn Trọng Tuấn	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại	LKT503 (HK1) – K1			
		Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng		LKT513 (HK2) – K1		
5	TS. Nguyễn Quốc Hân	Pháp luật về an sinh xã hội		LKT514 (HK2) – K1		
		Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại			LKT521 (HK3) – K1	
6	TS. Nguyễn Thị Kim Vinh	Pháp luật về thương mại điện tử			LKT523 (HK3) – K1	
		Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu		LKT510 (HK1) – K1		
7	TS. Đinh Trọng Liên	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh			LKT515 (HK3) – K1	

STT	Họ tên Giảng viên	Môn dạy	Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
		Pháp luật tài chính, ngân hàng		LKT512 (HK1) – K1		
8	TS. Phạm Uyên Thy	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật	LKT502 (HK1) – K1			
9	TS. Đoàn Tạ Cửu Long	Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay		LKT506 (HK1) – K1		
10	TS. Nguyễn Thanh Long	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế		LKT508 (HK2) – K1		
		Pháp luật về đầu tư		LKT509 (HK1) – K1		
11	TS. Đào Xuân Thành	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán			LKT520 (HK3) – K1	
12	TS. Nguyễn Thanh Phong	Pháp luật so sánh đương đại			LKT522 (HK3) – K1	
		Tiếng Anh chuyên ngành			LKT517 (HK3) – K1	
13	TS. Nguyễn Gia Viễn	Pháp luật thương mại quốc tế			LKT523 (HK3) – K1	



STT	Họ tên Giảng viên	Môn dạy	Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
		Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế			LKT524 (HK3) – K1	
14	TS. Tôn Việt Thảo	Triết học				

### BẢNG TỔNG HỢP

Phân loại giảng viên	Tổng số học phần phụ trách	Tổng số tín chỉ phụ trách	Tỉ lệ %
Giảng viên cơ hữu chuyên ngành Khoa Luật	14 giảng viên phụ trách 23 học phần	57 tín chỉ	95 %
Giảng viên cơ hữu cơ bản của Nguyễn Tất Thành	1 giảng viên phụ trách 1 học phần	3 tín chỉ	5 %
Giảng viên chuyên ngành thỉnh giảng	Không	Không	0%

#### V. Điều kiện về cơ sở vật chất mở ngành:

Cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo của Khoa rất đa dạng và đầy đủ, gồm các phòng chức năng như: giảng đường, Phòng thực hành nghề luật.

Các phòng học đều được trang bị hệ thống âm thanh, đèn chiếu, máy lạnh nhằm đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu học tập của học viên. Một số phòng học được trang bị máy điều hòa không khí để phục vụ tốt nhất cho việc học tập của học viên. Đặc biệt, nhiều phòng học được bố trí theo phương pháp học theo nhóm, phục vụ thảo luận, seminar.

Phòng làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng hiện đại để thực hiện tốt nhất chức năng, nghiệp vụ công tác trong quản lý đào tạo.

#### 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy:

*Bảng 5.1. Danh sách phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy*

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	297	22656 m <sup>2</sup>	Môn đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	06	5960 m <sup>2</sup>	Môn đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	08	5,015 m <sup>2</sup>	Môn đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	142	13,294 m <sup>2</sup>	Môn chuyên ngành	Tất cả các Học kỳ	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	136	6,227 m <sup>2</sup>	Môn tự chọn	Tất cả các Học kỳ	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	34	2,589 m <sup>2</sup>	Môn chuyên ngành	Tất cả các Học kỳ	



1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	136	5,158 $m^2$	Môn chuyên ngành	Học kỳ 2, 3 năm thứ 1
2	Thư viện, trung tâm học liệu	03	4.814 $m^2$	Tra cứu tài liệu	Tất cả các Học kỳ
3	Phòng thực hành nghề luật	01	40	Môn chuyên ngành	Học kỳ 1, 2, 3 năm thứ 1

## 2. Phòng thực hành cho đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ:

Phòng thực hành nghề Luật được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho các tiết thực hành nghề luật. Cụ thể:

- Số người học: 60
- Thiết bị trong phòng thực hành gồm:
  - Bàn: 14 cái
  - Ghế gỗ: 36 cái
  - Thiết bị âm thanh: 01 máy
  - Trang phục Thẩm phán: 03 bộ
  - Trang phục Công an: 02 bộ
  - Đế và bảng tên mica: 10 bộ
  - Máy lạnh lớn: 02 máy
  - Bóng đèn nhỏ: 18 cái
  - Bóng đèn lớn: 1 cái
  - Bục trải thảm đỏ: 05 cái
  - Rèm cửa: 02 cái

## 3. Cơ sở thực tập:

Bảng 5.2. Danh mục các cơ sở thực tập

STT	Cơ sở thực tập	Địa chỉ	Thông tin liên hệ	Hình thức hợp tác
-----	----------------	---------	-------------------	-------------------

1	Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ Thành phố Hồ Chí Minh	118 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	0903368653	MOU 271/BB/NTT Ngày 25/12/2019
2	Công ty đấu giá hợp danh Toàn cầu Group	65 Nguyễn Cư Trinh, Quận 1	0908853027	MOU 285/BB/NTT Ngày 25/12/2019
3	Công ty Luật hợp danh Sài Gòn - Bến Thành	11 Đường số 1, P. An Phú, Quận 2	0915113639	MOU 282/BB/NTT Ngày 25/12/2019
4	Công ty trách nhiệm hữu hạn Luật Vạn Tâm An	2 Đường số 17, khu phố 6, Thành phố Thủ Đức	0983826929	MOU 286/BB/NTT Ngày 25/12/2019
5	Văn phòng luật sư Công Luật	160/24/8 Phan Huy Ích, P.12, Q. Gò Vấp	0903915355	MOU 284/BB/NTT Ngày 25/12/2019
6	Văn phòng luật sư Quốc Định	Võ Thị Sáu, Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai	0983669169	MOU 274/BB/NTT Ngày 25/12/2019
7	Văn phòng luật sư Thanh Ân	77/7B Đường số 4, TP Thủ Đức	0987779039	MOU 283/BB/NTT Ngày 25/12/2019

#### 4. Lộ trình sử dụng phòng thực hành:

##### 4.1. Danh sách phòng thực hành đã xác định trong Đề án mở ngành:

STT	Loại phòng học	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Số phòng học	Phục vụ môn học/ học phần
1	Phòng thực hành nghề luật	100	40m <sup>2</sup>	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh tế, thương mại Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam

#### 4.2. Các môn học cần phòng thực hành theo các học kì:

Học kì 1: Không có

Học kì 2: Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại

Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam

Học kì 3: Không có

Học kì 4: Không có

a) Số lượng học viên theo 5 năm từ năm học 2022- 2023 cần sử dụng phòng thực hành như sau:

**Năm học 2022-2023:** Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ có 70 học viên được tuyển vào từ năm 2022 (khóa 1)

**Năm học 2023-2024:** Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ có 77 học viên được tuyển vào từ năm 2023 (khóa 2).

**Năm học 2024-2025:** Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ có 85 học viên tuyển vào từ năm 2024 (khóa 3).

**Năm học 2025-2026:** Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ có 93 học viên tuyển vào từ năm 2025 (khóa 4).

**Năm học 2026-2027:** Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế trình độ Thạc sĩ có 102 học viên tuyển vào từ năm 2025 (khóa 5).

Bảng minh họa (có 3 học kì/1 năm học):



Năm học	Học kì	Phòng thực hành cần dùng	Diện tích	Số lượng phòng	Môn cần dùng phòng thực hành	Học viên dùng phòng thực hành theo khóa	Số lượng học viên
	1	Không có					
					Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại	Học viên khóa 1	70
2022-2023	2	Phòng thực hành nghề luật	40	1	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam		
	3	Không có					

	1	Không có					
					Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp		
2023-2024	2	Phòng thực hành nghề luật	40	1	kinh tế, thương mại Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam	Học viên khóa 2	77
	3	Không có					
	1	Không có					
2024-2025	2	Phòng thực hành nghề luật	40	1	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam	Học viên khóa 3	85
	3	Không có					

	1	Không có					
		Phòng thực hành nghề luật		1	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại	Học viên khóa 4	93
2025-2026	2		40		Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam		
	3	Không có					
	1	Không có					
2026-2027	2	Phòng thực hành nghề luật	40	1	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại	Học viên khóa 5	102
	3	Không có					



## Sơ đồ minh họa

SƠ ĐỒ LỘ TRÌNH SỬ DỤNG PHÒNG THỰC HÀNH NGHỀ LUẬT						
		Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học
		2022 - 2023	2023 - 2024	2024 - 2025	2025 - 2026	2026 - 2027
Phòng thực hành nghề Luật	HK 2	Học viên khóa 1 (70)	Học viên khóa 2 (77)	Học viên khóa 3 (85)	Học viên khóa 4 (93)	Học viên khóa 5 (102)

Đề xuất bổ sung phòng thực hành

Do có sự tăng lên về số lượng học viên dự kiến và số môn cần phòng sử dụng Phòng thực hành là 2 môn nên khoa Luật đề xuất tăng diện tích phòng thực hành lên 80m<sup>2</sup> từ năm học 2024 - 2025, nhằm đáp ứng yêu cầu khách quan.

## 5. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

### 5.1. Thông tin chung

Số lượng đầu sách các loại: 261 nhan đề / 1636 bản

Trong đó:

- Giáo trình: 95 nhan đề / 712 bản
- Tài liệu tham khảo: 188 nhan đề / 924 bản
- Luận văn, đề tài báo cáo tốt nghiệp: 9 nhan đề / 9 bản
- Báo, tạp chí: 21 nhan đề.

Bảng 5.3. Cơ sở dữ liệu điện tử của NTTU

STT	Cơ sở dữ liệu	Hướng dẫn đăng nhập
1	ProQuest	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
2	SpringerLink	Đăng nhập tài khoản
3	IEEE Xplore	Đăng nhập tài khoản
4	ScienceDirect	Đăng nhập tài khoản

5	Scopus	Đăng nhập tài khoản
6	SAGE e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
7	Emerald e-Journals Collection	Đăng nhập tài khoản
8	Springer Nature	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
9	IG Publishing eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
10	Directory of Open Access Book	Truy cập không cần đăng nhập
11	Directory of Open Access Journal	Truy cập không cần đăng nhập
12	Open Textbook Library	Truy cập không cần đăng nhập
13	BCCampus Open Textbook	Truy cập không cần đăng nhập
14	Credo Reference	Truy cập theo địa chỉ IP của NTTU
15	Spinger eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
16	Elsevier eBooks Collection	Đăng nhập tài khoản
17	Bộ Cơ sở dữ liệu Kinh tế - Tài chính – Vĩ mô của FiinPro (Gồm dữ liệu của 3200 doanh nghiệp, trong đó có 1700 doanh nghiệp đã niêm yết, 1500 doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết)	Truy cập tại NTTU

Bảng 5.4. Danh mục sách giáo trình phục vụ mở ngành Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí
1	Tập bài giảng Lý luận về Nhà nước	Hồng Đức, 2018	10	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại
2	Tập bài giảng lý luận về pháp luật	Hồng Đức, 2018	10	
3	Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân	Hồng Đức, 2015	15	

4	Luật tổ chức Toà án nhân dân	Hồng Đức, 2015	15	
5	Career Paths Law	Express Publishing, UK, 2018	01	Tiếng Anh chuyên ngành
6	Legal English	Routledge, 2018	01	
7	Master Legal Vocabulary & Terminology	Marc Roche, 2018	01	
8	Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam	Hồng Đức, 2018	10	
9	Guiding principles on business and human rights	Liên hợp quốc, 2011	file	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế
10	Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người	Liên hợp quốc, 1948	file	
11	Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá	Liên hợp quốc, 1966	file	
12	Giáo trình luật thương mại Việt Nam (Tập 1 + Tập 2)	Tư pháp, 2017	02	Chuyên đề pháp luật thương mại chuyên sâu và Pháp luật về thương mại điện tử
13	Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ	Hồng Đức, 2019	30	
14	Sách tình huống pháp luật về hàng hoá thương mại và dịch vụ	Hồng Đức, 2020	10	
15	Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh	Hồng Đức, 2020	10	
16	Luận giải về luật doanh nghiệp (hiện hành)	Chính trị quốc gia, 2018	05	Pháp luật về công ty và



17	Luật Doanh nghiệp Việt Nam – tình huống – dẫn giải – bình luận	Chính trị quốc gia, 2017	20	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp
	Pháp luật về hợp đồng			
18	trong thương mại và đầu tư - Những vấn đề pháp lý cơ bản	Chính trị quốc gia, 2020	10	Pháp luật về đầu tư
19	Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Hồng Đức, 2017	20	
20	Luật Hợp đồng Việt Nam (tập 1, 2)	Hồng Đức, 2017	10	
21	Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Hồng Đức, 2016	05	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu
22	Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015	Hồng Đức, 2016	05	
23	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư – Những vấn đề pháp lý cơ bản	Hồng Đức, 2020	10	
24	Giáo trình Luật ngân hàng	Hồng Đức, 2015	10	
25	Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017	Chính trị Quốc gia, 2017	05	Pháp luật tài chính, ngân hàng
26	Cẩm nang pháp luật Ngân hàng	Chính trị quốc gia, 2020	09	

27	Giáo trình pháp luật về Cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	Hồng Đức, 2020	20	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại
28	Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam. (Tập 1, 2)	Hồng Đức, 2018	10	
29	Giải quyết tranh chấp hợp đồng- Những điều doanh nhân cần biết,	Thanh niên, 2019	10	
30	Giáo trình luật đất đai	Hồng Đức, 2019	19	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh
31	Giáo trình luật môi trường	Công an nhân dân, 2019	10	
32	Bình luận khoa học luật đất đai (năm 2013)	Lao Động, 2018	15	
33	Giáo trình luật thương mại quốc tế tập 1, 2	Hồng Đức, 2017	30	Pháp luật thương mại quốc tế và Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
34	Giáo trình luật sở hữu trí tuệ	Hồng Đức, 2017	16	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh
35	Sách tình huống Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam	Hồng Đức, 2019	10	
36	Chỉ dẫn áp dụng các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2016	05	
37	Giáo trình luật lao động	Hồng Đức, 2017	21	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh

				chấp lao động ở Việt Nam và Pháp luật về an sinh xã hội
38	Pháp luật về quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động ở Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2016	05	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam
39	Hỏi đáp Bộ luật lao động năm 2019	Chính trị quốc gia, 2020	10	
40	Employment and Labour law	Cengage, 2020	01	
41	Luật bảo hiểm xã hội (hiện hành): Sửa đổi năm 2015	Chính trị quốc gia Hà Nội, 2018	05	Pháp luật về an sinh xã hội
42	Fraud and corruption	Springer, 2018	Ebook	Tham nhũng và phòng chống tham nhũng ở Việt Nam
43	Luật phòng chống tham nhũng năm 2018	Quốc hội, 2018	Thư viện pháp luật	
44	Bộ luật hình sự năm 2015 : Được sửa đổi, bổ sung năm 2017	Tư pháp, 2018	03	
45	Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	Hồng Đức, 2020	20	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
46	Cẩm nang tra cứu pháp luật về cạnh tranh	Chính trị quốc gia, 2017	05	
47	Giáo trình pháp luật về thị trường chứng khoán	NXB Đại học Quốc gia HN, 2017	20	Pháp luật về chứng khoán và



48	Luật chứng khoán hiện hành: Luật năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2010	Chính trị quốc gia, 2017	10	thị trường chứng khoán
49	Trách nhiệm pháp lý đối với hành vi giao dịch bất hợp pháp trên thị trường chứng khoán tập trung ở Việt Nam	Chính trị quốc gia, 2018	03	
50	Luật Kinh doanh bảo hiểm (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019)	Chính trị quốc gia, 2019	10	
51	Luật Kinh doanh bảo hiểm (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019)	Chính trị quốc gia, 2019	05	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm trong lĩnh vực thương mại
52	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	Hồng Đức, 2016	15	
53	Giáo trình luật so sánh	Công an nhân dân, 2017	Ebook	Pháp luật so sánh đương đại
54	Luật so sánh	Lao động, 2017	10	
55	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Giáo dục, 2019	30	Phương pháp nghiên cứu

56	Phương pháp, quy trình và kỹ thuật nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý	ĐH Quốc gia TP HCM, 2020	10	khoa học ngành Luật
57	Tập bài giảng Lý luận về Nhà nước	Hồng Đức, 2018	10	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam đương đại
58	Tập bài giảng lý luận về pháp luật	Hồng Đức, 2018	10	
59	Luật tổ chức viện kiểm sát nhân dân	Hồng Đức, 2015	15	
60	Luật tổ chức Tòa án nhân dân	Hồng Đức, 2015	15	
61	Career Paths Law	Express Publishing, UK, 2018	01	Tiếng Anh chuyên ngành
62	Legal English	Routledge, 2018	01	
63	Master Legal Vocabulary & Terminology	Marc Roche, 2018	01	
64	Giáo trình luật hiến pháp Việt Nam	Hồng Đức, 2018	10	Bảo đảm Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế
65	Guiding principles on business and human rights	Liên hợp quốc, 2011	file	
66	Tuyên ngôn phổ quát về quyền con người	Liên hợp quốc, 1948	file	
67	Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá	Liên hợp quốc, 1966	file	

68	Giáo trình luật thương mại Việt Nam (Tập 1 + Tập 2)	Tư pháp, 2017	02	Chuyên đề pháp luật về thương mại chuyên sâu
69	Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ	Hồng Đức, 2019	30	
70	Sách tình huống pháp luật về hàng hoá thương mại và dịch vụ	Hồng Đức, 2020	10	và Pháp luật về thương mại điện tử
71	Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh	Hồng Đức, 2020	10	Pháp luật về công ty và Pháp luật về quản trị doanh nghiệp
72	Luận giải về luật doanh nghiệp (hiện hành)	Chính trị quốc gia, 2018	05	
73	Luật Doanh nghiệp Việt Nam – tình huống – dẫn giải – bình luận	Chính trị quốc gia, 2017	20	
74	Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư - Những vấn đề pháp lý cơ bản	Chính trị quốc gia, 2020	10	Pháp luật về đầu tư
75	Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	Hồng Đức, 2017	20	Chuyên đề pháp luật về hợp đồng chuyên sâu
76	Luật Hợp đồng Việt Nam (tập 1, 2)	Hồng Đức, 2017	10	
77	Bộ luật dân sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Hồng Đức, 2016	05	



78	Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015	Hồng Đức, 2016	05	
	Pháp luật về hợp đồng			
79	trong thương mại và đầu tư – Những vấn đề pháp lý cơ bản	Hồng Đức, 2020	10	
80	Giáo trình Luật ngân hàng	Hồng Đức, 2015	10	
81	Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017	Chính trị Quốc gia, 2017	05	Pháp luật tài chính, ngân hàng
82	Cẩm nang pháp luật Ngân hàng	Chính trị quốc gia, 2020	09	
83	Giáo trình pháp luật về Tranh chấp và giải quyết tranh chấp thương mại	Hồng Đức, 2020	20	Chuyên đề pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại
84	Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam. (Tập 1, 2)	Hồng Đức, 2018	10	
85	Giải quyết tranh chấp hợp đồng- Những điều doanh nhân cần biết,	Thanh niên, 2019	10	
86	Giáo trình luật đất đai	Hồng Đức, 2019	19	Pháp luật đất đai và môi trường trong hoạt động kinh doanh
87	Giáo trình luật môi trường	Công an nhân dân, 2019	10	
88	Bình luận khoa học luật đất đai (năm 2013)	Lao Động, 2018	15	
89	Giáo trình luật thương mại quốc tế tập 1, 2	Hồng Đức, 2017	30	Pháp luật thương mại quốc tế và

				Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
90	Giáo trình luật sở hữu trí tuệ	Hồng Đức, 2017	16	
91	Sách tình huống Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam	Hồng Đức, 2019	10	Pháp luật sở hữu trí tuệ trong hoạt động kinh doanh
92	Chỉ dẫn áp dụng các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2016	05	
93	Giáo trình luật lao động	Hồng Đức, 2017	21	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam và Pháp luật về an sinh xã hội
94	Pháp luật về quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động ở Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2016	05	Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động ở Việt Nam
95	Hỏi đáp Bộ luật lao động năm 2019	Chính trị quốc gia, 2020	10	
96	Employment and Labour law	Cengage, 2020	01	
97	Luật bảo hiểm xã hội (hiện hành): Sửa đổi năm 2015	Chính trị quốc gia Hà Nội, 2018	05	Pháp luật về an sinh xã hội
98	Fraud and corruption	Springer, 2018	Ebook	

99	Luật phòng chống tham nhũng năm 2018	Quốc hội, 2018	Thư viện pháp luật	Tham nhũng và phòng chống tham nhũng ở Việt Nam
100	Bộ luật hình sự năm 2015 : Được sửa đổi, bổ sung năm 2017	Tư pháp, 2018	03	
101	Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	Hồng Đức, 2020	20	Pháp luật về cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
102	Cẩm nang tra cứu pháp luật về cạnh tranh	Chính trị quốc gia, 2017	05	
103	Giáo trình pháp luật về thị trường chứng khoán	<del>Đại học Quốc gia HN, 2017</del>	20	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán
104	Luật chứng khoán hiện hành: Luật năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2010	Chính trị quốc gia, 2017	10	
105	Trách nhiệm pháp lý đối với hành vi giao dịch bất hợp pháp trên thị trường chứng khoán tập trung ở Việt Nam	Chính trị quốc gia, 2018	03	
106	Luật Kinh doanh bảo hiểm (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019)	Chính trị quốc gia, 2019	10	
107	Luật Kinh doanh bảo hiểm (hiện hành) (sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2019)	Chính trị quốc gia, 2019	05	
108	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	Hồng Đức, 2016	15	Pháp luật so sánh đương đại



109	Giáo trình luật so sánh	Công an nhân dân, 2017	Ebook	
110	Luật so sánh	Lao động, 2017	10	
111	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Giáo dục, 2019	30	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Luật
112	Phương pháp, quy trình và kỹ thuật nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý	ĐH Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2020	10	

## VI. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế:

### 1. Danh mục các công trình khoa học trong 5 năm gần đây của Khoa Luật:

Từ khi thành lập đến nay, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành nói chung và Khoa Luật nói riêng đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Trường và nhiều bài báo khoa học quốc tế, trong nước.

*Bảng 6.1. Danh mục các công trình khoa học của Khoa Luật*

STT	Tác giả	Tên công trình	Sách, tạp chí, kỷ yếu	Năm
1	Trần Đình Hào	Cải cách tư pháp dân sự ở Việt Nam hiện nay	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp ở Việt Nam- những vấn đề lý luận và thực tiễn”	2020
2	Trần Đình Hào	Tư duy về luật kinh tế: Thực trạng và tiếp tục đổi mới	Sách chuyên khảo “Tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước” của Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam do Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản	2020

3	Trần Đình Hảo	Về những điểm mới của Luật Đầu tư công năm 2019	Kỷ yếu hội thảo cấp trường “Pháp luật về đầu tư công trong thời kỳ hội nhập” Trường Đại học Nguyễn	2019
			Tất Thành	
4	Đặng Vũ Huân	Hướng giải quyết tranh chấp phát sinh từ các thương vụ mua bán bất động sản du lịch	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Chính sách, pháp luật về bất động sản du lịch – Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam” do Viện Nghiên cứu bất động sản Việt Nam, Khoa Pháp luật kinh tế Đại học Luật Hà Nội	2021
5	Đặng Vũ Huân	Thực thi pháp luật trong phòng, chống đại dịch Covid -19 ở Việt Nam và những vấn đề cần hoàn thiện	Sách chuyên khảo “Hoàn thiện khung pháp lý trong phòng chống dịch Covid-19 tại Việt Nam” của Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Bộ Tư pháp	2021
6	Đặng Vũ Huân	Pháp luật về chống hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam	Sách chuyên khảo “Pháp luật kinh tế trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam” của Khoa Pháp luật Kinh tế Trường Đại học Luật Hà Nội, do Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự Thật xuất bản.	2019
7	Đặng Vũ Huân	Một số vấn đề trong dự thảo Bộ luật lao động dưới góc nhìn của người sử dụng lao động	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Pháp luật lao động Việt Nam dưới góc nhìn so sánh và quốc tế” do Viện	2018

			Friedrich – Ebert – Stiftung (EFS), Cộng hòa Liên bang Đức và Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức, NXB Tư pháp	
8	Nguyễn Quốc Hân	Những vướng mắc khi áp dụng quy định về giữ người trong trường hợp khẩn cấp	Tạp chí Kiểm sát (số 15/2018)	2018
9	Nguyễn Quốc Hân	Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm về ma túy trên địa bàn Bình Phước	Tạp chí Kiểm sát (số 24/2018)	2018
10	Nguyễn Quốc Hân	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước nâng cao chất lượng kháng nghị phúc thẩm án dân sự, hành chính	Tạp chí Kiểm sát (số 10/2019)	2019
11	Nguyễn Quốc Hân	Thực hành quyền công tố trong điều tra các tội giết người theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam	Nhà xuất bản Lao động	2021
12	Chu Hải Thanh	Vấn đề ly hôn theo Luật La Mã và Luật Việt Nam thời phong kiến	Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa “Ảnh hưởng Luật La mã đối với sự hình thành và phát triển Luật dân sự và luật hôn nhân – gia đình Việt Nam”	2021



13	Chu Hải Thanh	Luật đầu tư công 2019 - vai trò và thực trạng đầu tư công trong giai đoạn hiện nay	Kỷ yếu hội thảo cấp trường “Pháp luật về đầu tư công trong thời kỳ hội nhập” Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	2019
14	Chu Hải Thanh	Đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng ứng dụng – thực hành đối với pháp luật về tố tụng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa “Đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng ứng dụng - thực hành đối với pháp luật về tố tụng tại Trường Đại Học Nguyễn Tất Thành” năm 2019	2019
15	Nguyễn Trọng Tuấn và Đào Ngân	Trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại	Tạp chí Dân chủ và pháp luật số tháng 3 (348)	2021
16	Nguyễn Trọng Tuấn và Phạm Thị Mai	Hoàn thiện quy định về các tình tiết giảm nhẹ trong pháp luật hình sự Việt Nam	Tạp chí Dân chủ và pháp luật tháng 12 năm 2021	2021
17	Nguyễn Trọng Tuấn	Cầm cố tài sản theo quy định của Luật La Mã và pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành	Kỷ yếu Hội thảo cấp khoa “Ảnh hưởng Luật La Mã đối với sự hình thành và phát triển Luật dân sự và luật hôn nhân – gia đình Việt Nam	2021
18	Nguyễn Trọng Tuấn	Vấn đề tự chủ tài chính và chính sách không	Kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên đề “Tác động của chính sách miễn học phí	2019

		thu học phí của sinh viên sư phạm	cho sinh viên sư phạm đến chất lượng tuyển sinh và đào tạo giáo viên”, Trường ĐH Sư phạm TPHCM	
19	Nguyễn Trọng Tuấn	Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập hiện nay	Tạp chí Công thương số 7, tháng 5/2018	2018
20	Nguyễn Trọng Tuấn	Quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập – Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn của Việt Nam	Tạp chí Công thương số 9, tháng 6/2018	2018
21	Đinh Trọng Liên	Đại dịch COVID 19: Cơ hội, thách thức và phát triển của doanh nghiệp Việt Nam	Kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia Trường ĐH Văn Lang	2021
22	Đinh Trọng Liên	Nhu cầu nhân sự về luật kinh tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay	Kỷ yếu hội thảo cấp Trường Đại học Tài chính – Marketing “Đào tạo cử nhân chuyên ngành Luật đầu tư - kinh doanh, xu hướng và thách thức”	2021
23	Đinh Trọng Liên	Vấn đề xâm hại trẻ em trong giai đoạn hiện nay, Thực trạng và giải pháp	Kỷ yếu hội thảo “Nâng cao trách nhiệm của gia đình trong việc bảo vệ các quyền trẻ em hiện nay”, Khoa Luật Trường ĐH NTT tổ chức	2020

**2. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Luật kinh tế trình độ thạc sĩ:**

TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày nghiệm thu	Kết quả	Ghi chú
1	Tích hợp nội dung phòng chống tham nhũng vào giảng dạy môn Pháp luật đại cương	2017, 2017.01.63	313/QĐ-NTT ngày 11/06/2019	Đạt	Đã nghiệm thu

**3. Các hướng nghiên cứu đề tài nghiên cứu làm luận văn thạc sĩ và số lượng học viên có thể tiếp nhận:**

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn luận văn thạc sĩ	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn	Số lượng thạc sĩ có thể tiếp nhận
1	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	PGS. Trần Đình Hào	5
2	Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại	TS. Chu Hải Thanh	3
3	Nhà nước và pháp luật Việt Nam đương đại	TS. Nguyễn Trọng Tuấn	3
4	Pháp luật về thương mại quốc tế	TS. Nguyễn Gia Viễn	3
5	Các vấn đề bất cập của luật đất đai hiện hành	TS. Đinh Trọng Liên	3
6	Pháp luật về thương mại điện tử	TS. Nguyễn Thị Kim Vinh	3
7	Giải quyết tranh chấp lao động	TS. Đặng Vũ Huân	3
8	Pháp luật về chứng khoán	TS. Đào Xuân Thành	3
9	Tham nhũng và phòng chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay	Ts. Đoàn Tạ Cửu Long	3



10	Pháp luật so sánh đương đại	TS. Nguyễn Thanh Phong	3
11	Pháp luật về an sinh xã hội	TS. Nguyễn Quốc Hân	3
12	Tội phạm trong lĩnh vực kinh tế	TS. Phạm Uyên Thy	3
13	Quyền con người trong lĩnh vực kinh tế	TS. Nguyễn Thanh Long	3

#### 4. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học:

##### 4.1. Về hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường:

Nhà trường luôn khuyến khích và tích cực đẩy mạnh hoạt động NCKH, với đội ngũ cán bộ NCKH tăng về số lượng và chất lượng, số lượng các đề tài, dự án các cấp do Trường là cơ quan chủ quản cũng tăng hàng năm. Tính đến năm 2021, Trường đã quan tâm đầu tư với hơn 35 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, 30 đề tài cấp Bộ và ngang Bộ, 48 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở của GV, CBNC; 1124 đề tài SV NCKH, hơn 1500 công bố khoa học trên tạp chí thuộc hệ thống ISI/ SCOPUS. Quản lý 03 Tạp chí khoa học quốc tế (Vietnam Journal of Computer Science (VJCS, ISSN: 2196- 8888); Southeast Asian Journal of Sciences (SAJS, ISSN: 2286-7724) và East-West Journal of Mathematics (ISSN: 1513-489X); Nhà trường tăng cường chuyển giao công nghệ và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ các kết quả nghiên cứu thông qua kết quả các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương đã thực hiện thành công, được nghiệm thu và chuyển giao công nghệ cho địa phương (Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Phú Quốc, ...).

Bên cạnh đó, Nhà trường đã chú trọng đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, hiện nay đã có 01 bằng độc quyền Giải pháp hữu ích, 01 tiến bộ kỹ thuật được công nhận, 01 hồ sơ quyền sở hữu trí tuệ đã được chấp nhận và đang tiến hành nộp 04 hồ sơ đăng ký độc quyền Giải pháp hữu ích.

*Bảng 6.2. Số lượng đề tài NCKH các cấp được phê duyệt và triển khai*

STT	Phân loại đề tài	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng cộng
1	Đề tài cấp Nhà nước	5	6	7	1	1	20

2	Đề tài cấp Bộ	9	4	5	6	9	33
3	Đề tài cấp Trường	78	82	87	170	165	582
<b>Tổng cộng</b>		<b>92</b>	<b>92</b>	<b>99</b>	<b>177</b>	<b>175</b>	<b>635</b>

Số liệu thống kê đến ngày 31/12/2021

Một trong những tiêu chí đánh giá hoạt động NCKH của một cơ sở giáo dục Đại học chính là số lượng các công bố khoa học trên các Tạp chí quốc tế uy tín (hệ thống ISI/SCOPUS). Trường luôn có những chính sách đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học như giảng viên được quy đổi giờ chuẩn khi tham gia NCKH, hỗ trợ kinh phí đăng bài trên các Tạp chí quốc tế (từ 500-2000USD/bài), khen thưởng cho các nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế thuộc hệ thống ISI/SCOPUS (từ 10-60 triệu đồng/bài). Tổng kinh phí Trường đã đầu tư cho hoạt động NCKH đến nay là gần 200 tỷ đồng và được Nhà nước cùng các bộ ban ngành cấp là trên 50 tỷ đồng. Từ những chính sách hỗ trợ và đầu tư mạnh cho hoạt động NCKH, cho đến nay số công bố khoa học của Trường tăng mạnh hàng năm, đặc biệt số lượng các công bố quốc tế trong hệ thống ISI/SCOPUS, số liệu cụ thể thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 6.3. Số lượng công bố khoa học quốc tế và trong nước

TT	Phân loại công bố	2017	2018	2019	2020	2021
1	Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI	44	79	235	409	507
2	Tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục SCOPUS	20	81	388	238	87
3	Tạp chí khoa học quốc tế thuộc ESCI	2	9	3	13	18
4	Tạp chí khoa học quốc tế khác	9	11	19	22	38
5	Tạp chí khoa học trong nước	40	70	144	136	175
6	Tạp chí khoa học của Trường	Chưa xuất bản	33	27	83	39



<b>Tổng cộng</b>	<b>115</b>	<b>283</b>	<b>816</b>	<b>864</b>	<b>3044</b>
------------------	------------	------------	------------	------------	-------------

*Số liệu thống kê đến ngày 31/12/2021*

Với nhiều công trình nghiên cứu các cấp được thực hiện, công tác chuyển giao công nghệ luôn được Trường chú trọng. Trường đã tổ chức và đồng tổ chức nhiều Hội thảo, Hội nghị khoa học công nghệ nhằm tăng cường mối quan hệ giữa các nhà khoa học và các đơn vị ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật của các địa phương (như Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre...) để chia sẻ thông tin về các kết quả nghiên cứu sản xuất, kinh doanh sản phẩm trên cơ sở các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Công tác chuyển giao công nghệ không chỉ ở trong nước mà còn hướng ra quốc tế. Tháng 1 năm 2019, Trường đã khánh thành Trung tâm Nghiên cứu phát triển Chuyển giao Công nghệ Việt Nam-Hàn Quốc (VKTech), với mục đích thông báo các thành quả của các dự án ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp và xử lý môi trường do NTTU, Đại học quốc gia Chonbuk (CBNU-Hàn Quốc) cùng các doanh nghiệp của Hàn Quốc như NewTech Wave, Astabio và TEAMS phối hợp thực hiện.

Với lực lượng đội ngũ NCKH mạnh, Trường đã chú trọng xây dựng môi trường nghiên cứu chất lượng cao để các nhà khoa học có thể phát triển hết khả năng của mình như xây dựng và thành lập Viện Kỹ thuật công nghệ cao NTT, Viện Khoa học môi trường, Viện Nông nghiệp Nguyễn Tất Thành, Viện Khoa học Xã hội liên ngành, Trung tâm Ươm tạo và Sáng tạo Khởi nghiệp... Đặc biệt, từ năm 2018, với tiềm lực đội ngũ nghiên cứu chất lượng cao, Trường đã chú trọng và đầu tư thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh và các Trung tâm nghiên cứu xuất sắc các lĩnh vực thế mạnh.

#### **4.2. Về hoạt động hợp tác quốc tế của Trường:**

Nhà trường đã ban hành Quy trình, Quy định về HTQT trong đó có điều khoản quy định về chế độ báo cáo định kỳ tính hiệu quả của các chương trình HTQT và công tác nước ngoài. Mở rộng quan hệ HTQT khi ký kết MOU với các tổ chức GDDH nước ngoài như: Guilin, Kyungsung, TARUC, Quindao, Providence, Sunway, Universita Europea Di Roma, Temasek; 06 dự án quốc tế được triển khai với các đối tác chính gồm: ĐH East Anglia (UK); ĐH Birmingham City (Anh Quốc);



ĐH Padova (Ý); ĐH Salamanca (Tây Ban Nha); ĐH Lisbon (Bồ Đào Nha); ĐH Sư phạm Đông Bắc Northeast Normal University (Trung Quốc); ĐH Universitas Negeri Yogyakarta (Indonesia). Nhà trường thường xuyên tăng cường cử GV, CBQL ra nước ngoài học tập, giảng dạy và nghiên cứu; đồng thời mở rộng việc nhận chuyên gia các nước đến trường để giảng dạy và nghiên cứu nhằm tạo điều kiện cho đội ngũ của Trường có cơ hội tiếp cận và hòa nhập trình độ khoa học kỹ thuật của khu vực và thế giới. Tăng cường thu hút SV quốc tế: có Chương trình liên kết đào tạo Cử nhân kép ngành Kế toán và Kinh tế với MUST (Malaysia); đưa SV đi các chương trình thực tập.

#### **4.3 Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong đào tạo của Khoa Luật:**

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành luôn chú trọng phát triển công tác đối ngoại để tranh thủ sự hỗ trợ từ bên ngoài. Trong thời gian qua, Nhà trường đã tiến hành các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học theo chiến lược hợp tác quốc tế mà Hội đồng quản trị, Ban giám hiệu của trường đã đề ra.

##### *Nghiên cứu khoa học*

Hàng năm Khoa cùng Nhà trường tổ chức trung bình 2 hội thảo khoa học cấp khoa và cấp trường. Hội thảo quy tụ được sự tham gia từ các giảng viên đầu ngành và các Trường Đại học uy tín trên cả nước.

Hàng năm, Khoa có hơn 10 công trình bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước và tạp chí khoa học quốc tế và thực hiện hơn 20 đề tài khoa học cấp cơ sở.

##### *Hợp tác đào tạo của Khoa Luật*

Khoa Luật đã liên kết đào tạo với hơn 20 cơ quan, tổ chức hành nghề luật ở TPHCM và các địa phương lân cận như: Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Tập đoàn Mạnh Hùng, VP luật sư Thanh Ân,...

### **VII. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo:**

#### **1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo:**

##### *1.1. Nguồn tuyển sinh:*

Người học đã tốt nghiệp ĐH các ngành phù hợp, ngành gần với ngành Luật Kinh tế.

##### *1.2. Đối tượng tuyển sinh:*

Yêu cầu đối với người dự tuyển

Theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, người dự tuyển đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế phải có các điều kiện sau đây:

**Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ**

*Về văn bằng*

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp. Riêng ngành gần phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành trước khi dự tuyển. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Luật xác định và đề xuất.

*Về trình độ ngoại ngữ*

Những người có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (quy định tại Phụ lục Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT).

*Về thâm niên công tác*

Những người có bằng tốt nghiệp đại học loại Khá trở lên, không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì được dự tuyển ngay.

Những người có Bằng tốt nghiệp đại học dưới loại Khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có một công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập.

*Các điều kiện khác*

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.



Danh mục ngành phù hợp này do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học Đào tạo, Quyết định này quy định những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển và được công khai trên cổng thông tin điện tử của Viện Đào tạo Sau đại học.

## **2. Hồ sơ dự tuyển:**

Hồ sơ dự tuyển gồm có:

- a) Đơn xin dự tuyển (theo mẫu được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Viện Đào tạo Sau đại học).
- b) Lý lịch khoa học có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan nơi thí sinh đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú về các thông tin liên quan đến hộ tịch của người đăng ký xét tuyển (Theo mẫu trên cổng thông tin điện tử của Viện Đào tạo Sau đại học).
- c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có công chứng hoặc chứng thực, gồm: Bằng đại học và bằng điểm đại học; văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp.
- d) Minh chứng nghiên cứu khoa học (nếu có):

Đối với bài báo hoặc báo cáo khoa học đã được công bố: Bản photocopy trang bìa, trang mục lục tên bài báo hoặc báo cáo khoa học, tên tác giả và tòa bộ nội dung bài báo hoặc báo cáo khoa học. Đối với bài báo hoặc báo cáo phiên bản điện tử thì phải có bản in trang điện tử của tạp chí đăng tải minh chứng đó.

Các tài liệu minh chứng phải có bản gốc để đối chiếu khi nộp hồ sơ.

- e) Giấy khám sức khỏe do các bệnh viện cấp quận (huyện) trở lên cấp.

## **3. Thông báo tuyển sinh:**

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện Sau đại học ([saudaihoc.ntt.edu.vn](http://saudaihoc.ntt.edu.vn)) ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển.

2. Thông báo tuyển sinh bao gồm những nội dung:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển.
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo.
- c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung.
- d) Hồ sơ dự tuyển.



- e) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh.
- f) Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học.
- g) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có).
- h) Những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo trong từng đợt tuyển sinh cụ thể.

#### **4. Thời gian và hình thức tuyển sinh:**

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm thi tuyển và xét tuyển.
2. Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức nhiều lần trong một năm.

#### **5. Quy trình xét tuyển, thi tuyển:**

1. Thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển về Viện Đào tạo Sau Đại học theo thông báo.
2. Viện Đào tạo Sau Đại học tổng hợp hồ sơ thí sinh đã nộp, nhập thông tin dữ liệu thí sinh đăng ký.
3. Viện Đào tạo Sau Đại học tham mưu lập hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho hội đồng;

##### Quy trình tổ chức xét tuyển

- a) Viện Đào tạo Sau Đại học lập bảng thống kê kết quả học tập điểm trung bình toàn khóa của Bảng điểm đại học theo thang điểm 10 hoặc tương đương.
- b) Hội đồng căn cứ vào quy chế tuyển sinh công bố, đối tượng ưu tiên, chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành để xét theo kết quả từ trên xuống thấp đúng với chỉ tiêu đã đề ra.
- c) Quy trình xét tuyển như quy trình xét tuyển sinh đại học.

##### Quy trình tổ chức thi tuyển

- a) Viện Đào tạo Sau Đại học chủ trì phối hợp với các ban giúp việc của hội đồng tổ chức thi tuyển các môn thi đầu vào.
- b) Quy trình thi tuyển như quy trình thi tuyển sinh đại học.

Thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ theo yêu cầu, phải tham gia thi đánh giá năng lực tiếng Anh tại trường. Trung tâm khảo thí, Trung tâm Ngoại ngữ, Khoa, Viện Elearning sẽ phụ trách các công việc liên quan đến đề thi tiếng anh và chấm thi theo quy trình chung của trường. Kết quả thi sẽ được tổng hợp gửi về Viện Đào tạo Sau đại học và công bố trên website của Viện.

#### **6. Quy mô tuyển sinh và thời gian đào tạo:**

Căn cứ vào năng lực giảng viên và điều kiện cơ sở vật chất, dự kiến quy mô tuyển sinh như sau:

- Khóa đầu tiên Trường tuyển 70 học viên, các năm sau tăng 10% số học viên/năm.
- Thời gian đào tạo trình độ Thạc sĩ là 18 tháng cho người có bằng ĐH.

#### **7. Điều kiện tốt nghiệp:**

a) Có trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

b) Bảo vệ luận văn đạt yêu cầu có điểm đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được Hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên theo đúng thời gian 30 ngày sau khi bảo vệ, có xác nhận của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho Viện Đào tạo Sau đại học để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ.

d) Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

Trường tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày học viên bảo vệ thành công luận văn, đề án; tối đa thêm 03 tháng trong trường hợp phải tổ chức thẩm định luận văn, đề án.

### **VIII. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ:**

#### **1. Khoa chủ quản mở ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ:**

Quyết định 54/QĐ-NTT-TC ngày 15/10/2021 về việc giao nhiệm vụ Khoa



Luật chủ quản đào tạo bậc thạc sĩ ngành Luật Kinh tế, mã số: 8380107)

**2. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành Luật Kinh tế trình độ thạc sĩ:**

*Bảng 8.1. Danh sách cán bộ quản lý phụ trách ngành đào tạo*

STT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Trần Ái Cẩm, Hiệu trưởng	TS, 2013	Quản lý	
2	Nguyễn Lan Phương, Phó hiệu trưởng kiêm Viện trưởng Viện đào tạo sau đại học	TS, 2016	Quản lý giáo dục	
3	Trần Thiện Lưu, Phó hiệu trưởng kiêm Trưởng phòng Quản lý đào tạo	TS, 2015	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	
4	Chu Hải Thanh, Trưởng khoa	TS, 1987	Luật	
5	Nguyễn Trọng Tuấn, Phó khoa	TS, 2019	Luật, chuyên ngành Luật hành chính và hiến pháp	

**3. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn Phòng thực hành nghề luật:**

STT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Anh Tiên	ThS, 2021	Luật Quốc tế	



#### 4. Đội ngũ phục vụ đào tạo Luật kinh tế trình độ Thạc sĩ:

Đội ngũ phục vụ	Trình độ				Tổng số
	Trung học/CD	Đại Học	Thạc Sĩ	Tiến Sĩ	
Thư viện	02	07	04		13
Phòng thực hành nghề Luật			01		01
Viện Đào tạo sau đại học		02	02	01	
Phòng Quan hệ Doanh nghiệp và Việc làm cho SV	01	03	05		09
Phòng Quản lý Đào tạo		06	05	01	12
Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ		02	03	03	08
Phòng ĐBCL		02	06		08
Trung tâm Khảo thí	04	06	02		12
Phòng Quản trị Thiết bị	07	05	04	01	17
Viện E-Learning		01	04		05
<b>Tổng cộng</b>	<b>14</b>	<b>34</b>	<b>36</b>	<b>6</b>	<b>85</b>

#### IX. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo:

STT	Rủi ro	Biện pháp ngăn ngừa và/hoặc xử lý
1	Tuyển sinh không đủ số lượng để mở lớp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy mạnh hoạt động tuyển sinh để đảm bảo tuyển sinh đủ số lượng theo yêu cầu mở lớp</li> <li>- Trong trường hợp không tuyển đủ số lượng học viên để mở lớp, Khoa sẽ chuyển các học viên trúng tuyển đến các trường có chương trình đào tạo tương đương. Phương án này sẽ được báo trước với thí sinh khi tham dự thi/xét tuyển.</li> </ul>

2	Giảng viên nghỉ việc đột xuất, ảnh hưởng đến số lượng giảng viên đạt chuẩn theo quy định mở ngành và duy trì ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tiếp tục gia tăng nguồn giảng viên cơ hữu đủ điều kiện theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo bằng cách tuyển dụng nguồn nhân lực ngoài trường và lên kế hoạch cử giảng viên là thạc sĩ của Khoa theo học các chương trình nghiên cứu sinh trong và ngoài nước.
3	Không đủ giảng viên hướng dẫn học viên làm đồ án	Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các Trường trong và ngoài nước để thực hiện việc trao đổi giảng viên.
4	Không đủ giảng viên đủ điều kiện để mở Hội đồng bảo vệ đồ án	Tăng cường thiết lập quan hệ với lực lượng giảng viên thỉnh giảng, giảng viên doanh nghiệp.
5	Trường bị đình chỉ ngành đào tạo	Chuyển các học viên đang theo học tại Trường đến các trường có chương trình đào tạo tương đương, bảo đảm đầy đủ quyền lợi của học viên, không ảnh hưởng đến thời gian đào tạo, hình thức đào tạo, bằng cấp.

#### **X. Kế hoạch tổ chức giảng dạy trực tuyến:**

Trường đã ban hành Quy định xây dựng học liệu và tổ chức giảng dạy các học phần theo hình thức E-Learning (Quyết định số 719/QĐ-NTT ngày 20/10/2020 của Hiệu trưởng Nhà trường) nhằm đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

#### **XI. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo:**

- Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý theo định hướng từ Tiến sĩ lên Phó giáo sư. Đội ngũ GV dự kiến tăng 20 – 30 % /năm;
- Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất: tăng đầu tư máy móc, thiết bị theo kế hoạch đào tạo cập nhật và phù hợp mức học phí;
- Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo: tổ chức hội thảo chuyên ngành cùng Trung tâm, trao đổi học viên nghiên cứu trong và ngoài nước;

- Kế hoạch hợp tác với đơn vị tuyển dụng học viên tốt nghiệp: phối hợp Phòng QHĐN và VLSV, hỗ trợ việc làm đầu ra cho học viên tốt nghiệp;
- Kế hoạch hợp tác với các doanh nghiệp triển khai các dự án NCKH gắn liền với đề án, đề án, dự án tốt nghiệp của học viên để phát triển hoạt động khoa học công nghệ của Khoa và tăng hình thức/hiệu quả phục vụ cộng đồng;
- Xây dựng đề án tích hợp đào tạo thạc sỹ với đào tạo chuyên gia theo xu hướng đào tạo theo nhu cầu/đào tạo theo dự án;
- Mức học phí (dự kiến): 75.000.000 / khóa/ 1 người học./.

HIỆU TRƯỞNG 



TS. TRẦN ÁI CẨM

TRƯỞNG KHOA

TS. CHU HẢI THANH